

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 17-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tông, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Hồ Văn L, sinh năm 2004; Nơi sinh: Long An. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con cha vô danh và bà Hồ Thị H; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn C, văn phòng luật sư Trần Văn C, thuộc đoàn luật sư tỉnh L, có mặt.

Bị hại:

1. Ông Hoàng Trọng N, sinh năm 1983. HKTT: Thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tạm trú: Số B, đường T, khu phố E, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số D, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1978. HKTT: Ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số D, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1972. HKTT: Số C, đường P, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, phường D, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Hồ Văn L biết được công trình nhà bà Tiêu Thị Anh M đang xây dựng nên ngày 09/12/2023, khi L bán vé số tại khu vực chợ P, thành phố T thì L rủ T2 (người bán vé số, không rõ nhân thân) đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền trả tiền vé số cho đại lý.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, L lấy 01 cái đèn pin, 02 cái bao, xe mô tô biển số 63AD-004.68 của ông Hồ Văn T1 (anh ruột của L), chạy đến gặp và chở T2 xuống ấp H, xã V, huyện C trộm tài sản. L đậu xe ở chòi thanh long của người dân, cách nhà bà M khoảng 500m, rồi cả hai đi bộ đến nhà bà M. Đến nơi, nghe có tiếng người làm công cho ngôi nhà còn nói chuyện nên L, T2 ngồi ngoài hàng rào đợi cho những người này ngủ. Đến khoảng 01 giờ ngày 10/12/2023, L leo qua rào đi vào bên trong nhà lên tầng một, lấy trộm 02 cái kim bằng kim loại, 01 cái kéo cắt tole, 01 cái máy cắt hàn, 02 cái máy khoan, 01 cái máy cắt cầm tay, 01 máy quạt của ông Hoàng Trọng N (người thi công phần sắt) bỏ vào trong một bao; L tiếp tục đi lại các ổ điện tầng trệt, rút trộm các dây điện đã được dẫn âm trong tường nhưng chưa đấu vào nguồn điện là tài sản của ông Nguyễn Minh Q (thi công phần điện), cho vào một bao. Tiếp đó, L lấy một đoạn dây thùng có gắn móc sắt một đầu và một đoạn dây điện có vỏ bọc hình tròn màu đen làm công cụ chuyên lẫn lộn 02 bao đồ trộm được, qua hàng rào ra bên ngoài cho T2 rồi vút hai đoạn dây này lại dưới đất cặp tường rào. Sau đó, L đi vào khu vực nhà kho thấy có một cái thùng bằng sắt, mở ra có dây điện bên trong, L lấy trộm 04 cuộn dây điện đi ra cặp tường rào thì sợ bị phát hiện nên trốn vào nhà vệ sinh bỏ 04 cuộn dây điện lại tại đây rồi leo rào ra bên ngoài cùng T2 mỗi người vác một bao đi đến nơi để xe. Tính để bao đồ trộm phía trước và điều khiển xe chở L ngồi phía sau ôm một bao chạy trên đường tỉnh 827 về hướng thành phố T. Khi đến khu vực trạm bơm xã H thì bị lực lượng Công an xã H tuần tra, phát hiện. Nhìn thấy lực lượng Công an, T2 bỏ chạy, L được đưa về trụ sở làm việc cùng các đồ vật có liên quan.

Tại Bản kết luận định giá số 32/KL-HĐĐG ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 kim bằng kim loại dài 18cm, cán bọc nhựa màu đen dài 13cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 5cm, trị giá 38.000 đồng; 01 kim bằng kim loại dài 15cm, cán bọc nhựa màu xanh dài 09cm,

lưỡi bằng kim loại màu đen dài 5cm, trị giá 38.000 đồng; 01 kéo cắt tole bằng kim loại, dài 26cm, có tay cầm bọc nhựa màu đen, dài 14,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,5cm, trị giá 80.000 đồng; 01 máy hàn hiệu JASIC, trị giá 1.800.000 đồng; 01 máy khoan hiệu LEIYA, trị giá 900.000 đồng; 01 máy khoan hiệu KENYO, trị giá 900.000 đồng; 01 máy cắt cầm tay hiệu C-T trị giá 750.000 đồng; 01 quạt máy hiệu WINTA, trị giá 250.000 đồng; 10,9 kg dây điện hiệu Cadivi, loại CV1.5, trị giá 2.943.000 đồng; 8,1 kg dây điện hiệu Cadivi, loại CV2.5, trị giá 2.187.000 đồng; 8,3 kg dây điện hiệu Cadivi, loại CV3.5, trị giá 2.241.000 đồng; 1,3 kg dây điện hiệu Cadivi, loại CV4, trị giá 351.000 đồng; 13,1 kg dây điện hiệu Cadivi, loại CV2.5, trị giá 3.537.000 đồng. Tổng cộng tài sản định giá có giá trị là 16.007.000 (Mười sáu triệu không trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 63AD-004.68; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63AD-004.68 mang tên Nguyễn Thị T3; 01 đèn pin; 02 cái bao màu trắng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Trọng N, ông Nguyễn Minh Q, ông Huỳnh Ngọc T sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu; Bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận định giá, đồng thời không có khiếu nại gì đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Hồ Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Hồ Văn L theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 50; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn L mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Trả lại cho ông Hồ Văn T1: 01 xe mô tô biển số 63AD-004.68 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63AD-004.68 mang tên Nguyễn Thị T3.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin; 02 cái bao màu trắng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư Trần Văn C trình bày lời bào chữa cho bị cáo Hồ Văn L:

Về tội danh: Thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Hồ Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1

Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn L mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Với mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền trả tiền đại lý vé số nên vào khoảng 01 giờ ngày 10/12/2023, Hồ Văn L rủ người tên T2 (không rõ nhân thân) đến nhà bà Tiêu Thị Anh M đang xây dựng, thuộc Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Long An đang xây dựng do ông Huỳnh Ngọc T làm quản lý. Bị cáo L đã lấy trộm 02 kìm bằng kim loại, 01 kéo cắt tole bằng kim loại, 02 máy cắt, 02 máy khoan, 01 máy quạt của ông Hoàng Trọng N và 41,7 kg dây điện của ông Nguyễn Minh Q là những người thi công ngôi nhà, tổng cộng giá trị tài sản định giá là 16.007.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, được thể hiện:

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 780/KLGĐ ngày 04/3/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực Thành phố H thuộc Bộ Y kết luận đối với Hồ Văn L như sau:

1.1. Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/12/2023 đối tượng chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70 ICD-10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/12/2023 đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Mặc dù, là người hạn chế khả năng điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nên bị cáo phải chịu

trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố bị cáo Hồ Văn L với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giao cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giám sát, giáo dục nhằm giúp bị cáo tự cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, xét bị cáo bán vé số, kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy điều kiện kinh tế của bị cáo còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Hồ Văn T1 là anh ruột của L, cho bị cáo mượn xe mô tô biển số 63AD-004.68 để L đi bán vé số, không biết bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với người tên T2, chỉ có lời khai của L là T2 cùng L trộm cắp tài sản, ngoài ra không còn chứng cứ khác để chứng minh, nên tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Trả lại cho ông Hồ Văn T1: 01 xe mô tô biển số 63AD-004.68 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63AD-004.68 mang tên Nguyễn Thị T3.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin; 02 cái bao màu trắng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Hoàng Trọng N: 01 kìm bằng kim loại, dài 18cm; 01 kìm bằng kim loại, dài 15cm; 01 kéo cắt tole bằng kim loại, dài 26cm; 01 máy cắt hàn hiệu JASIC; 01 máy khoan hiệu LEIYA; 01 máy khoan hiệu KENYO; 01 máy cắt cầm tay hiệu C-T; 01 máy quạt hiệu WINTA; 01 đoạn dây điện dài 7,05m hình tròn màu đen; Trả lại cho ông Nguyễn Minh Q: 10,9 kg dây điện hiệu Cadivi loại CV1.5; 8,1 kg dây điện hiệu Cadivi loại CV2.5; 8,3 kg dây điện hiệu Cadivi loại CV3.5; 1,3 kg dây điện hiệu Cadivi loại CV4; 04 cuộn dây điện hiệu Cadivi CV2.5, có trọng lượng 13,1 kg; Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T 01 đoạn dây thừng có gắn móc sắt một đầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn L về tội danh và mức án trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn L về tội danh và mức án trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 36; Điều 50; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn L 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hồ Văn L cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Hồ Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Long An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Hồ Văn L phải chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cố ý vi phạm nghĩa vụ thì được thực hiện theo quy định tại Điều 105 của Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Trả lại cho ông Hồ Văn T1: 01 xe mô tô biển số 63AD-004.68 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63AD-004.68 mang tên Nguyễn Thị T3.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin; 02 cái bao màu trắng.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSCT ngày 16/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An và biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 20/5/2024 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về án phí: Bị cáo Hồ Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- UBND phường D, thành phố T, LA;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy